

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 8 - 2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con, trả nợ khi ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thanh Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Bốn.

2. Ông Huỳnh Cao Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, trả nợ khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu Đ**, sinh 1991.

- Bị đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1990.

Cùng trú tại địa chỉ: Xóm 03, thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Q.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ **Ngân hàng chính sách xã hội.**

Địa chỉ trụ sở: CC5 bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hồng O, chức vụ Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T (theo văn bản ủy quyền số 4716/QĐ – NHCS ngày 25/11/2016).

2/ Vợ chồng ông **Lê Văn C** (sinh năm 1953), bà **Nguyễn Thị T** (sinh năm 1955).

Cùng địa chỉ cư trú: Xóm 03, thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Q.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện ngày 22/3/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Đ trình bày:*

Bà và ông Lê Văn T quen biết tìm hiểu, yêu thương một thời gian thì tự nguyện tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q vào năm 2010.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Trường không chung thủy và hay chửi bới bà. Năm 2018, bà gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện T giải quyết, sau khi thụ lý vụ án Tòa phân tích hòa giải, vì muốn tạo cơ hội cho ông Trường sửa đổi bản thân nên bà rút đơn khởi kiện và Tòa đình chỉ giải quyết vụ án.

Sau khi đoàn tụ, ông T vẫn không thay đổi tính nết và mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn như cũ. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm yêu thương không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Văn T.

Về con chung: Bà và ông Trường có hai con chung là cháu Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 06/10/2011 và cháu Lê Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 04/5/2014. Hiện 02 cháu đang ở với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được nhận nuôi cả 02 con. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Tại văn bản trình bày ngày 05/5/2021, bị đơn ông Lê Văn T trình bày:*  
Về đăng ký kết hôn, mâu thuẫn, con chung, tài sản chung đúng như bà Đ trình bày. Nay bà Đ xin ly hôn ông đồng ý ly hôn và giao 02 con cho bà Đ nhận nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ: Năm 2019, hộ gia đình ông có vay tại Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện T, tỉnh Q 20.000.000 đồng theo dự án nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Nay vợ chồng ly hôn ông đồng ý chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ nêu trên, không yêu cầu bà Đ cùng trả nợ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ *Tại đơn khởi kiện ngày 02/6/2021, Ngân hàng chính sách xã hội trình bày:* Tháng 03/2019, hộ ông Lê Văn T gồm các ông, bà: Lê Văn T, Nguyễn Thị Thu Đ, Lê Văn C, Nguyễn Thị T ủy quyền cho ông T vay 20.000.000 đồng theo chương trình Dự án nước sạch và vệ sinh môi trường, thời hạn vay 5 năm. Nay, vợ chồng ông T ly hôn, Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông T, ông C, bà T phải trả

20.104.000đ tiền nợ (trong đó tiền gốc là 20.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 31/5/2021 là 104.000 đồng).

Ngày 24/6/2021, Ngân hàng trình bày sau khi khởi kiện đến Tòa thì các ông bà nêu trên đã trả xong toàn bộ số tiền nợ, nên Ngân hàng có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

2/ Ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị T cùng trình bày:

Hộ gia đình ông có vay 20.000.000 đồng tại Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện T, tỉnh Q như đơn khởi kiện của Ngân hàng là đúng. Sau khi Ngân hàng khởi kiện thì cá nhân ông T đã trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên, nên Ngân hàng rút đơn khởi kiện là đúng. Ông C, bà T không có ý kiến gì.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đối với các đương sự đã thực hiện đúng các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội, do đương sự đã trả xong nợ và Ngân hàng có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo qui định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều cư trú tại huyện T, tỉnh Q. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về việc tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên dự khuyết: Theo Quyết định phân công Kiểm sát viên tham gia phiên tòa số 253/QĐ – VKSTN – DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, thì kiểm sát viên tham gia phiên tòa là bà Phạm Thị Thu Hồng, kiểm sát viên dự khuyết là bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh. Nhưng tại phiên tòa, bà Phạm Thị Thu Hồng vắng mặt, bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh có mặt ngay từ đầu. Căn cứ khoản 2 Điều 232 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh thay bà Phạm Thị Thu Hồng tham gia phiên tòa là đúng luật định.

[1.3]. Về xét xử vắng mặt các đương sự: Tất cả các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 là đúng quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ, ông T tìm hiểu yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q vào năm 2010, nên quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà Đ là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Về mâu thuẫn vợ chồng, thì thấy rằng: Năm 2018, bà Đ đã có đơn khởi kiện xin ly hôn gửi đến Tòa và được TAND huyện T thụ lý ngày 10/5/2018. Sau khi thụ lý, Tòa tiến hành khuyên giải đoàn tụ nên bà Đ rút đơn khởi kiện và Tòa đình chỉ giải quyết vụ án. Ngày 22/3/2021, bà Đ tiếp tục có đơn khởi kiện gửi Tòa yêu cầu giải quyết ly hôn và ông T đồng ý, qua xác minh làm việc với gia đình, thì ông C (cha ruột ông T) cho biết quá trình chung sống vợ chồng ông Trường có nhiều mâu thuẫn, hay cãi vã, xô xát gây mất trật tự tại địa phương. Nên có cơ sở xác định quan hệ tình cảm giữa vợ chồng bà Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đ được ly hôn ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng ông bà có hai con chung là cháu Lê Nguyễn Anh T, Lê Nguyễn Thành Đ. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu nhận nuôi cả 02 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con và ông T đồng ý. Đồng thời tại các bản trình bày ý kiến ngày 28/5/2021 cháu T, cháu Đ đều có nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn thì các cháu sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 cháu cho bà Đ tiếp tục nhận nuôi dưỡng. Bà Đ không yêu cầu ông Trường cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ: Mặc dù trong đơn khởi kiện bà Đ trình bày không có nợ, nhưng khi làm việc với ông Trường thì ông Trường khai ông cùng bà Đ và cha mẹ ông có vay tại Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện Tư N, tỉnh Q 20.000.000 đồng và hiện nay chưa trả. Sau đó Ngân hàng tiến hành khởi kiện, yêu cầu ông T, bà Đ, ông C, bà T có nghĩa vụ trả nợ vay. Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng, thì Ngân hàng có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện với lý do đã thu xong nợ. Việc Ngân hàng rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, chính đáng vì nợ đã giải quyết xong và các đương sự khác không có ý kiến gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Do Ngân hàng không thuộc đối tượng nộp tiền tạm ứng án phí, nên không hoàn trả cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 9, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Thu Đ được ly hôn ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/6/2011 và cháu Lê Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 04/5/2014 cho bà Nguyễn Thị Thu Đ tiếp tục nhận chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên. Bà Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Các bên đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của đơn vị có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội về việc yêu cầu các ông, bà: Lê Văn T, Nguyễn Thị Thu Đ, Lê Văn C, Nguyễn Thị T phải trả 20.104.000đ (hai mươi triệu, một trăm lẻ bốn ngàn đồng).

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0005744 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thanh Hùng**